

Bản án số: **111/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2025 giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh **Lý Văn T**, sinh ngày 10/11/1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang).

* *Bị đơn:* Chị **Trần Thị S**, sinh ngày 08/12/1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang).

(Anh Lý Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Trần Thị S vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lý Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2008 tại Ủy

ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 1. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống và làm ăn tại thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không còn tình cảm với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến tháng 02/2025 chị S bỏ đi làm ăn ở tỉnh Bắc Ninh địa chỉ cụ thể anh không biết. Hiện tại hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị Trần Thị S không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị S.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị S có hai người con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Lý Minh N, sinh ngày 17/10/2009. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do chị Trần Thị S vắng mặt tại địa phương Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị S. Tuy nhiên chị S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Kết quả xác minh tại Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang) như sau:

Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 26 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn, anh T và chị S sinh sống và làm ăn tại thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Theo thông tin chính quyền địa phương nắm được thì chị S đã đi làm công ty từ đầu năm 2025 nhưng chính quyền địa phương không

rõ địa chỉ cụ thể ở đâu. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S có hai người con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Lý Minh N, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay các cháu đang sống cùng với anh T.

Về tài sản chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S có tài sản gì chung thì thôn không nắm được.

Về vay nợ chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S không vay nợ của tổ chức, đoàn thể nào tại địa phương.

Về thu nhập bình quân đầu người của người dân tại địa phương là khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Nay anh T khởi kiện Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị S, đề nghị Tòa án niêm yết các giấy tờ đối với chị S theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Công an xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là Công an xã L, tỉnh Tuyên Quang) thể hiện anh Lý Văn T, sinh năm 1988 và chị Trần Thị S, sinh năm 1986 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Anh Lý Văn T hiện nay đang sinh sống và làm việc tại địa phương. Chị Trần Thị S hiện đang đi làm ăn xa, thi thoảng mới về địa phương, chị S không khai báo tạm vắng tại địa phương.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn T, xử cho anh Lý Văn T được ly hôn với chị Trần Thị S.

Về con chung: Giao cháu Lý Văn T1, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Lý Minh N, sinh ngày 17/10/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung nên chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lý Văn T xác định không có, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Anh Lý Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị Trần Thị S không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo, đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Lý Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Trần Thị S. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Trần Thị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn anh Lý Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang) giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 26/12/2008, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh T và chị S là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị Tâm S1 chung sống và làm ăn tại Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T xác định do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau. Chị S1 đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương khoảng một vài tháng mới về thăm nhà một lần. Bản thân anh T xác định vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng chị S1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị S1 cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S có hai người con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Lý Minh N, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay cháu T1 và cháu N do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu T1 và cháu N đều có nguyện vọng được ở cùng với anh T. Hiện nay anh T đang làm lao động tự do, ngoài ra anh còn làm nông nghiệp, trồng cây ăn quả theo mùa vụ, theo xác minh tại chính quyền địa phương thu nhập bình quân đầu người tại địa phương khoảng 4.000.000 đồng / tháng. Về chỗ ở anh T và các con đang sống tại nhà làm trên đất của bố mẹ đẻ của anh T, đủ điều kiện về chỗ ở. Xét thấy nguyện vọng của các cháu muốn được ở với anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với điều kiện thực tế cũng như lợi ích về mọi mặt của các cháu. Việc giao cả hai cháu cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đảm bảo quyền lợi ích chính đáng cho các cháu về mọi mặt. Hội đồng xét xử thấy giao hai con chung là cháu Lý Văn T1 và cháu Lý Minh N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Anh Lý Văn T và chị Trần Thị S không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị S không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn T về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Trần Thị S.
2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T được ly hôn chị Trần Thị S (*Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyển số 01 ngày 26/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang*).
3. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 28/01/2008 và cháu Lý Minh N, sinh ngày 17/10/2009 cho anh Lý Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí: Anh Lý Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002424 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Tuyên Quang). Anh Lý Văn T đã nộp đủ án phí. .Chị Trần Thị S không phải chịu án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND Lục Hành, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Quan Thị Thu Trang

